

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

*Về việc “Tranh chấp chia tài
sản chung sau khi ly hôn”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN VĂN THẠCH.**

2. Ông **ĐẶNG THANH QUANG.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐINH THỊ HIÊN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:* Bà **TRẦN KIM HỒNG** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị V**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 34A, đường LCMA, kp 2, p 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Dương Lê T**, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2021) (có mặt).

Địa chỉ: số 493, đường BL, khu phố NTh, phường NS, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **Dương Quốc D**, sinh năm 1988 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: số 34A, đường LCMA, kp 2, p 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ liên hệ: Ủy ban nhân dân phường LTTr, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Huỳnh Thị Mỹ T1**, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)..

Địa chỉ: số 637, ấp LB, xã LTN, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh **Huỳnh Anh T2**, sinh năm 1970 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Chị **Tạ Thị Hồng P**, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 36, ấp TrL, xã TrT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Dương Lê T, thống nhất trình bày:

Chị Phan Thị V và anh Dương Quốc D là vợ chồng, bắt đầu sống chung từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là cháu Dương Thị Anh Đ, sinh ngày 29/10/2013 và cháu Dương Quốc B, sinh ngày 22/7/2017. Ngày 20/11/2020, anh chị ly hôn theo Quyết định công nhận THận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 355/2020/QĐST – HNGĐ của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh. Khi ly hôn, chị V là người nộp đơn ly hôn và không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng vì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi vợ chồng mâu thuẫn và chưa ly hôn, cha mẹ hai bên có đứng ra giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, anh D tự viết tờ cam kết vào ngày 17/7/2020 anh D hứa nếu anh D tái phạm (tức còn quan hệ với người phụ nữ khác) thì toàn bộ mọi việc từ con cái cho đến tài sản chị V tự quyết định, anh D không còn gì cả. Chị V nghĩ anh D đã tự nguyện giao toàn bộ tài sản cho chị V nên chị V mới không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình chung sống, anh chị tạo lập được 01 phần đất diện tích 270,8 m², thửa đất số 868, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này do chị V, anh D nhận chuyển nhượng từ ba mẹ ruột của anh D là ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị Kim TH, số tiền chuyển nhượng là 500.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm giấy tay. Nhưng làm thủ tục tặng cho để được giảm tiền thuế. Ngày đi làm thủ tục, chị V là nhân viên y tế bệnh viện không thể nghỉ làm, nên một mình anh D đi làm nên thủ tục tặng cho và chỉ ghi tên mình anh D. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho một mình anh D, chị V biết nhưng do tin tưởng anh D nên chị V cũng không có ý kiến

Nay, chị V khởi kiện anh D yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Chị V yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung quyền sử dụng đất diện tích 270,8 m², thửa đất số 868, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Vì theo tờ cam kết ngày 17/7/2020 thì anh D đã tự nguyện giao toàn bộ tài sản cho chị V.

Chị Phan Thị V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 207,80 m² thửa số 988, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, theo số công chứng 256, quyển số 01 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 13/01/2021 của Văn phòng Công chứng LTTh vô hiệu. Lý do, đây là tài sản chung của vợ chồng, anh D chuyển nhượng cho chị T1 không có ý kiến của chị V nên không có giá trị pháp lý. Mặt khác, theo Quyết định ly hôn của Toà án, anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với 02 con chung là 10.000.000 đồng/tháng, nhưng từ khi ly hôn đến nay, anh D chưa tự nguyện cấp dưỡng lần nào. Đến khi chị V làm đơn yêu cầu thi hành án thì mới phát hiện anh D đã chuyển nhượng phần đất duy nhất của vợ chồng cho chị T1.

Đối với các chi phí tố tụng là 2.640.000 đồng, chị V đã nộp và chị V đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chị V không còn trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Mỹ T1, trình bày:

Chị T1 có nhận được Thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung và nhiều lần nhận giấy mời làm việc của Toà án nhưng chị T1 nghĩ vụ án không liên quan đến mình nên không đến Toà án làm việc. Nay chị T1 tiếp tục nhận giấy mời của Toà án nên đến làm việc.

Đối với yêu cầu của chị V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 207,80 m² thửa số 988, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, theo số công chứng 256, quyển số 01 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 13/01/2021 của Văn phòng Công chứng LTTh vô hiệu thì chị T1 không đồng ý vì khi chị T1 nhận chuyển nhượng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một mình anh D đứng tên, chị T1 đi hỏi thì được trả lời phần đất này là tài sản riêng của anh D, một mình anh D bán được nên chị T1 mới đồng ý mua, giá chuyển nhượng đất là khoảng 800.000.000 đồng, việc chuyển nhượng đất giữa hai bên không có ai ngăn cản hay tranh chấp và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật nên chị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng khi chị T1 đổ đất để làm hàng rào thì có ba ruột của anh D và chị V đến ngăn cản.

Sau đó, chị T1 tiếp tục chuyển nhượng phần đất trên cho người khác và hiện tại họ đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị T1 không nhớ họ tên người đã nhận chuyển nhượng đất nên không thể cung cấp cho Tòa án. Do đó, chị T1 cho rằng chị không còn liên quan gì trong vụ án này, chị T1 đề nghị Tòa án không mời chị T1 tham gia tố tụng trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Anh T2 và chị Tạ Thị Hồng P, thống nhất trình bày:

Ngày 15/9/2021, anh T2 và chị P có nhận chuyển nhượng từ chị T1 phần đất diện tích 207,80 m² thửa số 988, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng NGTh, ngày 12/01/2022 anh T2, chị Hồng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng giữa hai bên đã hoàn thành và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, chị T1 đã giao đất cho anh T2, chị P quản lý sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị V không liên quan đến anh T2, chị P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo vệ việc chuyển nhượng đất giữa anh T2, chị P và chị T1 vì việc chuyển nhượng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, người làm chứng là ông Dương Văn H trình bày:

Ông Dương Văn H là ba ruột của anh Dương Quốc D. Năm 2016, vợ chồng ông H có bán cho anh D, chị V 01 phần đất diện tích 207,80 m² thửa số 988, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh,

giá chuyển nhượng 500.000.000 đồng, việc giao nhận tiền tại nhà của ông H và không có làm giấy tờ, sau đó có làm hợp đồng mua bán tay ngày 04/8/2016. Hai bên thống nhất làm thủ tục tặng cho để được giảm tiền thuế, thủ tục tặng cho không đề tên chị V là do chị V bận đi làm nên chỉ mình anh D đứng tên. Thời điểm hai bên mua bán thì trên đất không có tài sản là đất trống. Hiện tại phần đất trên anh D đã bán cho người khác và họ mới là người trực tiếp quản lý.

Ông H được toà án cho tiếp cận chứng cứ do chị V giao nộp là Giấy cam kết ngày 17/7/2020, ông H xác định chữ viết là của anh D con ruột ông H. Tờ cam kết này anh D viết trước mặt vợ chồng ông H và ba mẹ ruột của chị V, anh D hứa không liên lạc với chị T4 nữa để vợ chồng không ly hôn.

Nguyên nhân vợ chồng anh D, chị V mâu thuẫn là do anh D có quan hệ tình cảm với chị T4, ông H có khuyên can anh D nhiều lần nhưng không có kết quả, sau đó anh D, chị V mới ly hôn. Thời gian vợ chồng anh D, chị V chưa ly hôn thì sống chung với vợ chồng ông. Sau khi ly hôn, chị V và 02 con chung vẫn sống chung với ông H còn anh D bỏ đi thuê nhà trọ sống với chị T4.

Khi anh D bán đất cho người khác ông H không biết. Khi làm thủ tục xong và họ vào quản lý đất, đồ đất thì ông H mới biết.

Ngoài ra, ông H không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Dương Quốc D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, dự phiên họp, hoà giải và dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn anh Dương Quốc D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Mỹ T1, anh Huỳnh Anh T2 và chị Tạ Thị Hồng P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt họ.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị V đối với anh Dương Quốc D về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn. Buộc anh D phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị V giá trị của $\frac{1}{2}$ tài sản chung

tương đương số tiền 560.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị V yêu cầu tuyên bố huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Huỳnh Thị Mỹ T1 và anh Dương Quốc D ngày 13/01/2021 vô hiệu. Các đương sự chịu chi phí tố tụng và tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Dương Quốc D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Mỹ T1, anh Huỳnh Anh T2 và chị Tạ Thị Hồng P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp:

Trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 355/2020/QĐST –HNGĐ ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thì về tài sản chung của chị V, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị V khởi kiện anh D yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của vợ chồng và yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh D với chị T1 vô hiệu, đây là tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, được quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tài sản tranh chấp:

Chị V yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 207,80 m² thửa số 988, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố LTr, phường LTTr, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Do đó, trong phạm vi vụ án này, Tòa án chỉ xem xét giải quyết một tài sản tranh chấp trên.

[3]. Về tài sản tranh chấp:

[3.1]. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – chi nhánh Hoà Thành thể hiện, phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Dương Văn H, ngày 09/8/2016, ông H tặng cho con ruột là anh Dương Quốc D, ngày 24/8/2016, anh D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2]. Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 04/8/2016*” giữa bên chuyển nhượng là ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị Kim TH; bên nhận chuyển nhượng là anh Dương Quốc D và chị Phan Thị V thấy rằng: Chị V trình bày phần đất trên là tài sản chung của chị và anh D do anh chị nhận chuyển nhượng từ ba mẹ ruột của anh D là ông H và bà TH, giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng, nhưng hai bên thống nhất làm thủ tục tặng cho để được giảm tiền thuế, lời trình bày của chị V phù hợp với lời trình bày của ông Dương Văn H là ba ruột của anh D. Trong quá trình toà án giải quyết, anh D đã được toà án triệu tập để làm việc rất nhiều lần nhưng anh D không đến toà án để làm việc và trình bày ý kiến. Mặc dù “*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 04/8/2016*” không có chữ ký của anh D nhưng có chữ ký của ba mẹ ruột của anh D là ông H và bà TH. Do đó, đủ căn cứ xác định “*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 04/8/2016*” là có thật, có việc chuyển nhượng đất giữa hai bên và thống nhất không làm thủ tục chuyển nhượng mà làm thủ tục tặng cho.

[3.3]. Như vậy, đủ căn cứ xác định, tài sản tranh chấp là tài sản chung của chị V và anh D là phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Xét yêu cầu của chị V yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh D và chị T1 vô hiệu thấy rằng: Tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng chị V anh D nhưng hai bên thống nhất làm thủ tục tặng cho và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ một mình anh D đứng tên. Thời điểm anh D chuyển nhượng đất cho chị T1 thì anh D, chị V đã ly hôn và hai bên không có tranh chấp gì về chia tài sản chung. Chị T1 không thể biết được đây là tài sản chung của vợ chồng. Việc chuyển nhượng đất giữa chị T1 và anh D đã hoàn thành và đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, chị T1 được xác định là người thứ ba ngay tình theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng chuyển nhượng giữa chị T1 và anh D không bị vô hiệu.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị V đối với anh D, chị V yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất bằng hiện vật thấy rằng:

[5.1]. Đối với yêu cầu chia tài sản chung: Do có căn cứ xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị V đối với anh D.

[5.2]. Đối với yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất bằng hiện vật: Chị V cung cấp cho toà án 01 giấy cam kết ngày 17/7/2020, có chữ ký của anh D. Nội

dung thể hiện anh D có vi phạm nội dung trong tờ cam kết thì toàn bộ T sản của vợ chồng sẽ do chị V toàn quyền định đoạt. Tuy nhiên, trong tờ cam kết lại không liệt kê là loại tài sản nào. Mặt khác, tài sản chị V yêu cầu chia trong vụ án là quyền sử dụng đất thì thủ tục chuyển quyền phải tuân theo quy định của pháp luật, phải được làm văn bản, được công chứng hoặc chứng thực và kể từ ngày đăng ký thì mới có hiệu lực. Chị V chỉ dựa vào nội dung cam kết trong tờ cam kết để yêu cầu nhận toàn bộ tài sản chung là không có căn cứ.

[5.3]. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị V đối với anh D, tài sản chung của vợ chồng nên mỗi người sẽ được chia $\frac{1}{2}$. Do quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng, anh D chuyển nhượng cho chị T1 và chị T1 đã tiếp tục chuyển nhượng sang cho anh T2 và chị P. Chị T1 được xác định là người thứ ba ngay tình nên hiện tài sản đã không còn. Anh D tự định đoạt tài sản chung, việc chuyển nhượng đất đã hoàn thành và anh D là người nhận tiền chuyển nhượng đất. Do đó, anh D phải có nghĩa vụ trả lại cho chị V $\frac{1}{2}$ giá trị của phần đất tranh chấp tương đương với giá tại thời điểm xét xử, cụ thể: Theo biên bản định giá ngày 08/9/2022, thì phần đất tranh chấp có giá là 160.000.000 đồng x 07 mét = 1.120.000.000 đồng, nên anh D và chị V mỗi người được hưởng một nửa là: 1.120.000.000 đồng : 2 = 560.000.000 đồng. Anh D phải có nghĩa vụ trả lại cho chị V số tiền 560.000.000 đồng

[6]. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí trích lục hồ sơ 240.000 đồng, chi phí đo đạc và thẩm định giá là 2.400.000 đồng, tổng cộng là 2.640.000 đồng. Chị V và anh D mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 2.640.000 đồng : 2 = 1.320.000 đồng. Chị V đã nộp xong chi phí tố tụng. Anh D có nghĩa vụ trả lại cho chị V 1.320.000 đồng.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị V và anh D mỗi người phải chịu tiền án phí trên số tiền được chia là 560.000.000 đồng, cụ thể như sau: 20.000.000 đồng + 4% 160.000.000 đồng = 26.400.000 đồng.

Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 133 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị V đối với anh Dương Quốc D về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Buộc anh Dương Quốc Dung phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Phan Thị V số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị V đối với anh Dương Quốc D về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Dương Quốc D với chị Huỳnh Thị Mỹ T1 ngày 13/01/2021 vô hiệu.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí trích lục hồ sơ 240.000 đồng, chi phí đo đạc và thẩm định giá là 2.400.000 đồng, tổng cộng là 2.640.000 đồng. Chị V và anh D mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 2.640.000 đồng : 2 = 1.320.000 đồng. Chị Vui đã nộp xong chi phí tố tụng. Anh D có nghĩa vụ trả lại cho chị V 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

4. Về án phí:

- Anh D phải chịu 26.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng).

- Chị V phải chịu 26.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, tổng cộng là 26.700.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009622 ngày 02/02/2022 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020890 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành tỉnh Tây Ninh. Chị V còn phải tiếp tục nộp số tiền 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng